



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
ADVANCED CURRICULUM OF BACHELOR**

**NGÀNH KẾ TOÁN
MAJOR: ACCOUNTING**

**XÂY DỰNG TỪ CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐẠI HỌC TỔNG HỢP
CALIFFORNIA LONG BEACH, HOA KỲ
BASED ON THE CURRICULUM OF THE CALIFFORNIA STATE
UNIVERSITY LONG BEACH, USA**

HÀ NỘI - 2012



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
ADVANCED CURRICULUM OF BACHELOR**

**NGÀNH KẾ TOÁN
MAJOR: ACCOUNTING**

**XÂY DỰNG TỪ CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐẠI HỌC TỔNG HỢP
CALIFFORNIA LONG BEACH, HOA KỲ
BASED ON THE CURRICULUM OF THE CALIFFORNIA STATE
UNIVERSITY LONG BEACH, USA**

HÀ NỘI - 2012

MỤC LỤC

1.	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO – Educational Objectives	2
2.	THỜI GIAN ĐÀO TẠO – Academic program timeline	2
3.	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA – Required total credits	2
4.	ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH – Enrolment candidates	2
5.	QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP – Educational Process and Graduation Requirements	3
6.	THANG ĐIỂM - Grading system	4
7.	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH – Program curriculum	4
7.1.	Cấu trúc chương trình đào tạo – Curriculum structure.....	4
7.2.	Chi tiết học phần –In details:	5
8.	KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN – Standard Course Sequence	7
9.	MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – Course Description	11
9.1.	Tiếng Anh (Preparatory English)	11
9.2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần I, II (Principle of Marxsim and Leninist part I, II).....	12
9.3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party)	12
9.4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh’s Ideology)	12
9.5.	Giáo dục thể chất (Physical Training)	12
9.6.	Giáo dục quốc phòng (Defence Training).....	13
9.7.	Viết luận (Writing Skills).....	13
9.8.	Kế toán tài chính căn bản (Elementary Financial Accounting).....	13
9.9.	Kinh tế học vĩ mô (Principles of Macroeconomics)	14
9.10.	Kinh tế học vi mô (Principles of Microeconomics).....	14
9.11.	Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh (Legal and Business Transactions).....	14
9.12.	Đại số và giải tích: ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Algebra and Calculus for Business)	14
9.13.	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (Introductions to Computer Systems and Applications)	15
9.14.	Đạo đức học căn bản (Introduction to Ethics)	15

9.15.	Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Econometrics and application to business and economics)	15
9.16.	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	16
9.17.	Kinh doanh quốc tế (International Businesses)	16
9.18.	Kinh tế học quản lý (Managerial Economics)	17
9.19.	Tài chính kinh doanh (Business Finance)	17
9.20.	Môi trường pháp lý trong hoạt động kinh doanh (Legal and Regulatory Environment of Business)	18
9.21.	Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)	18
9.22.	Nguyên lý quản trị (Principles of Management)	18
9.23.	Chiến lược và chính sách kinh doanh (Business Strategy and Policy).....	19
9.24.	Marketing (Marketing)	19
9.25.	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems).....	19
9.26.	Giao tiếp kinh doanh (Business Communication)	20
9.27.	Thống kê kinh doanh (Business Statistics)	20
9.28.	Kế toán tài chính A (Intermediate Accounting A)	20
9.29.	Kế toán tài chính B (Intermediate Accounting B)	21
9.30.	Kế toán nâng cao (Advanced Accounting)	21
9.31.	Kiểm toán (Auditing).....	21
9.32.	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Systems and Data Processing).....	22
9.33.	Kế toán quốc tế (International Accounting).....	22
9.34.	Hệ thống kế toán Việt Nam (Temporary Vietnamese Accounting)	22
9.35.	Kiểm toán nội bộ (Internal Auditing)	23
9.36.	Chuyên đề chuyên sâu về kế toán (Special Topics in Accounting).....	23
9.37.	Báo cáo thực tập chuyên ngành kế toán (Accounting Internships).....	24

CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
UNDERGRADUATE ADVANCED CURRICULUM

Tên chương trình : **Chương trình Tiên tiến Chuyên ngành Kế toán**

Name of the program : *Advanced Educational Program in Accounting*

Trình độ đào tạo : **Đại học (Cử nhân)**

Education level : *Bachelor*

Ngành đào tạo : **Kế toán**

Major : *Accounting*

Hình thức đào tạo : **Chính quy dài hạn**

Type of education : *Full-time*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO – Educational Objectives

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán tổng hợp theo Chương trình đào tạo Tiên tiến có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và thiết thực nhất về kế toán, kiểm toán.

Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức và kỹ năng làm việc tại các doanh nghiệp, hoặc các cơ quan quản lý nhà nước, các trường Đại học, Viện nghiên cứu. Chương trình góp phần chuyển giao công nghệ đào tạo đại học cho đội ngũ giáo viên của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp chương trình tiên tiến sẽ đảm bảo sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

Students of the Advanced Program of Bachelor Education will receive a world-class education in socio-economics, enterprise management and business administration, developing in good health and moral the skills necessary to effectively assess, analyze, research and resolve accounting issues.

Graduates will be well prepared to work in local, central, and international accounting institutions, universities, and research institutes. The program contributes technology transfer and training for university teachers of the NEU.

Besides, students will be proficient in English communication for study, work and social events.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO – Academic program timeline

Thời gian đào tạo là 4,5 năm, bao gồm cả thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 3 kỳ học, trong đó có: 2 học kỳ mỗi học kỳ gồm 15 tuần học, 3 tuần thi, kiểm tra và 1 học kỳ gồm 6 tuần học, thi, kiểm tra.

Students are expected to complete the program in 4.5 years, including internship and thesis writing. Each academic year has two 18-week semesters with each semester consisting of 15 weeks of instruction and 3 weeks of review and examination and one 6-week semester.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA – Required total credits

Tổng cộng 124 tín chỉ (viết tắt là TC), chưa kể khối kiến thức tăng cường trình độ tiếng Anh, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

124 required credits excluding 36 credits for English improvement, Physical Education and Military Education.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH – Enrolment candidates

Những người đã trúng tuyển với kết quả cao vào hệ chính quy trong kỳ thi tuyển sinh đại học vào trường Đại học Kinh tế Quốc dân, các đối tượng tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

Đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo tiên tiến ngành Kế toán theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo tiên tiến ngành Kế toán.

Students will be selected based on a combination of academic achievement and English proficiency:

✓ *High scores on the Annual National Entrance Examination held by the National Economics University (NEU) or demonstrated scholastic achievement meeting the requirements of Vietnam's Ministry of Education and Training (MoET) for automatic admission AND*

✓ *Meeting the English proficiency requirements for the Bachelor of Accounting in English AND*

✓ *Joining the program voluntarily upon NEU's offer of admission.*

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP – Educational Process and Graduation Requirements

Hầu hết các học phần được giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo ngành kế toán của trường Đại học tổng hợp bang California Long Beach, Hoa Kỳ. Chương trình được thực hiện với sự tham gia của các trường đại học khác tại Việt Nam đã tham gia giảng dạy bằng Tiếng Anh, các giáo sư của trường Đại học tổng hợp bang California Long Beach và các trường đại học khác của Hoa Kỳ và của các nước nói tiếng Anh khác.

Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế Quốc dân và các quy định khác về tổ chức đào tạo chương trình tiên tiến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình tiên tiến. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 124 tín chỉ và phải đạt chứng chỉ về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

All courses are conducted in English. The curriculum was modeled after the California State University, Long Beach (CSULB) Bachelors Program in Accounting. Lecturers in this program come from a variety of academic institutions, including those from the NEU, CSULB, and other universities in Vietnam, USA and other English speaking countries.

The program is based on a credit system, regulated by NEU policies and MoET guidelines. To remain in the program, students will e required to pass an annual English writing proficiency examination.

GRADUATION REQUIREMENTS: Students will be required to complete all of the required courses and a set of electives for 124 credits. In addition, students must complete

the certificate programs in both Defense Education and Physical Education in order to graduate.

6. THANG ĐIỂM - Grading system

Các học phần của chương trình Trường Đại học Kinh tế quốc dân và các học phần được xây dựng theo chương trình gốc của CSULB được đánh giá theo thang điểm 10, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

Grades for all coursework in level of the Bachelor of Accounting in English program will be assigned using a five grade level system, ranging from “A” through “D” and “F” as used by CSULB and as per the grading scales from the credit-based undergraduate academic system at NEU. 10 point scale is converted in letters as below:

	Thang điểm 10 10-scale	Ký tự Letter
Xuất sắc - High Distinction	Từ 9.0 đến cận 10 - <i>From 9.0 less than 10</i>	A+
Giỏi - Distinction	Từ 8.0 đến cận 9.0 - <i>From 8.0 less than 9.0</i>	A
Khá - Credit	Từ 7.0 đến cận 8.0 - <i>From 7.0 less than 8.0</i>	B
Trung bình khá – Strong-pass	Từ 6.0 đến cận 7.0 - <i>From 6.0 less than 7.0</i>	C
Trung bình- Pass	Từ 5.0 đến cận 6.0 - <i>From 5.0 less than 6.0</i>	D
Không đạt - Not Pass	Dưới 5.0 - <i>Less than 5.0</i>	F

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH – Program curriculum

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo – Curriculum structure

Chương trình bao gồm 124 tín chỉ, chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và bồi dưỡng tiếng Anh.

The curriculum includes 124 credits, excluding the Defense Education, Physical Education and preparatory English.

STT	Khối kiến thức – Knowledge Foundation	ĐVTC Credits
1	Kiến thức giáo dục đại cương - General education <i>(không gồm học phần về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và bồi dưỡng tiếng Anh)</i> <i>(excluding the Defense Education, Physical Education and preparatory English)</i>	39
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó Professional education, in which:	85
2.1	<i>Kiến thức cơ sở - Fundamentals of business</i>	37
2.2	<i>Kiến thức ngành chính - Specialization in accounting</i>	48

7.2. Chi tiết học phần –In details:

	TT	Mã học phần Code	Học phần ĐH KTQD Subjects of NEU	Học phần gốc CSULB Subjects of CSULB	TC Credits
I. Kiến thức giáo dục đại cương <i>General Education</i>	1	TA001	Tiếng Anh * <i>Preparatory English</i>		(36)
	2	NEUDC001	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin phần I,II <i>Principle of Marxsim and Leninist part I,II</i>		5
	3	NEUDC002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt nam <i>Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party</i>		3
	4	NEUDC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>		2
	5	NEUDC100	Giáo dục thể chất <i>Physical Training</i>		165 tiết
	6	NEUDC101	Giáo dục quốc phòng <i>Defence Training</i>		165 tiết
	7	ENG100	Viết luận <i>Writing Skills</i>		3
	8	ACCT201	Kế toán tài chính căn bản	<i>Elementary Financial Accounting</i>	4
	9	ECON100	Kinh tế học vĩ mô	<i>Principles of Macroeconomics</i>	3
	10	ECON101	Kinh tế học vi mô	<i>Principles of Microeconomics</i>	3
	11	BLAW220	Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh	<i>Legal and Business Transactions</i>	3
	12	MATH115	Đại số và giải tích: ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	<i>Algebra and Calculus for Business</i>	4
	13	IS233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng	<i>Introductions to Computer Systems and Applications</i>	3
	14	PHIL 160	Đạo đức học căn bản	<i>Introduction to Ethics</i>	3
	15	MATH115B	Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh	<i>Econometrics with application to</i>	3

			doanh	<i>economics and business</i>	
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <i>Professional education</i> 1. Kiến thức cơ sở <i>Fundamentals of business</i>	1	ACCT320	Kế toán chi phí	<i>Cost Accounting</i>	4
	2	CBA 300	Kinh doanh quốc tế	<i>International Business</i>	3
	3	ECON 333	Kinh tế học quản lý	<i>Managerial Economics</i>	3
	4	FIN 300	Tài chính kinh doanh	<i>Business Finance</i>	3
	5	BLAW 320	Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh	<i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>	3
	6	HRM 360	Hành vi tổ chức	<i>Organizational Behavior</i>	3
	7	MGMT 300	Nguyên lý quản trị	<i>Principles of Management</i>	3
	8	MGMT 425	Chiến lược và chính sách kinh doanh	<i>Business Strategy and Policy</i>	3
	9	MKTG 300	Marketing	<i>Marketing</i>	3
	10	IS 300	Hệ thống thông tin quản lý	<i>Management Information Systems</i>	3
	11	IS 301	Giao tiếp kinh doanh	<i>Business Communication</i>	3
	12	IS 310	Thống kê kinh doanh	<i>Business Statistics</i>	3
2. Kiến thức ngành chính <i>Specialization in accounting</i>	1	ACCT300A	Kế toán tài chính A	<i>Intermediate Accounting A</i>	4
	2	ACCT300B	Kế toán tài chính B	<i>Intermediate Accounting B</i>	4
	3	ACCT400	Kế toán nâng cao	<i>Advanced Accounting</i>	4
	4	ACCT470	Kiểm toán	<i>Auditing</i>	4
	5	ACCT480	Hệ thống thông tin kế toán	<i>Accounting Systems and Data Processing</i>	4
	6	ACCT465	Kế toán quốc tế	<i>International Accounting</i>	4
	7		Hệ thống kế toán Việt Nam	<i>Temporary Vietnamese Accounting</i>	4
	8	ACCT428A	Kiểm toán nội bộ	<i>Internal Auditing</i>	4
	9	ACCT454	Chuyên đề chuyên sâu về kế toán	<i>Special Topics in Accounting</i>	4
	10	ACCT493	Báo cáo thực tập chuyên ngành kế toán	<i>Accounting Internships</i>	4
	11	ACCT497	Khóa luận - Nghiên cứu độc lập về kế toán	<i>BSc Thesis - Independent Research</i>	8

				<i>on Accounting</i>	
TỔNG SỐ TC KHÓA HỌC <i>Total credits of the program</i>					124

Ghi chú :

(*) Phần bồi dưỡng Tiếng Anh sẽ được thiết kế tùy theo trình độ Tiếng Anh của sinh viên

Note :

- (*) English courses will be designed based on students' English level

8. KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN – Standard Course Sequence

TT	Mã số học phần (Code)	Tên học phần (Course)	TC (Credit)	NEU	CSU LB
Kỳ học thứ 1 - Semester 1					
1	TA001	Tiếng Anh * <i>Preparatory English</i>	(36)	√	
2	NEUDC100	Giáo dục thể chất <i>Physical Training</i>	90 (Teaching Hour)	√	
3	NEUDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 <i>Principle of Marxsim and Leninist part I</i>	2		
4	NEUDC101	Giáo dục quốc phòng <i>Defence Training</i>	90 (Teaching Hour)	√	
	Tổng số TC kỳ 1 (chưa bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và bồi dưỡng Tiếng Anh) Total credits in semester 1 (excluding the Defense Education, Physical Education and preparatory English)		0		
Kỳ học thứ 2 - Semester 2					

1	TA001	Tiếng Anh * <i>Preparatory English</i>	(34)	√	
2	NEUDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 <i>Principle of Marxsim and Leninist part II</i>	3	√	
3	NEUDC100	Giáo dục thể chất <i>Physical Training</i>	75 (Teaching Hour)	√	
4	NEUDC101	Giáo dục quốc phòng <i>Defence Training</i>	75 (Teaching Hour)	√	
Tổng số TC kỳ 2 (chưa bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và bồi dưỡng Tiếng Anh) Total credits in semester 2 (excluding the Defense Education, Physical Education and preparatory English)			5		
Kỳ học thứ 3 - Semester 3					
1	NEUDC002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt nam <i>Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party</i>	3	√	
2	NEUDC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	√	
3	MATH115	Đại số và giải tích: ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Algebra and Calculus for Business</i>	4	√	√
4	ENGL100	Viết luận <i>Writing Skills</i>	3	√	
5	ACCT 201	Kế toán tài chính căn bản <i>Elementary Financial Accounting</i>	4	√	√
6	BLAW220	Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh <i>Legal and Business Transactions</i>	3	√	√

	Tổng số TC kỳ 3 <i>Total credits in semester 3</i>		19		
Kỳ học thứ 4 - Semester 4					
1	ECON 100	Kinh tế học vi mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3	√	√
2	IS 233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng <i>Introductions to Computer Systems and Applications</i>	3	√	√
3	ACCT320	Kế toán chi phí <i>Cost Accounting</i>	4	√	√
4	MATH115B	Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Econometrics with Application to Economics and business</i>	3	√	
5	IS 301	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communication</i>	3	√	√
6	PHIL 160	Giới thiệu về đạo đức <i>Introduction to Ethics</i>	3	√	√
	Tổng số TC kỳ 4 <i>Total credits in semester 4</i>		19		
Kỳ học thứ 5 - Semester 5					
1	IS 310	Thống kê kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	√	√
2	ECON 101	Kinh tế học vĩ mô <i>Principles of Macroeconomics</i>	3	√	√
3	BLAW320	Môi trường pháp lý trong hoạt động kinh doanh <i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>	3	√	√
4	ACCT300A	Kế toán tài chính A <i>Intermediate Accounting A</i>	4	√	√
5	MKTG 300	Marketing <i>Marketing</i>	3	√	√

	Tổng số TC kỳ 5 <i>Total credits in semester 5</i>		16		
Kỳ học thứ 6 - Semester 6					
1	ACCT300 B	Kế toán tài chính B <i>Intermediate Accounting B</i>	4	√	√
2	MGMT 300	Nguyên lý quản trị <i>Principles of Management</i>	3	√	√
3	FIN300	Tài chính kinh doanh <i>Business Finance</i>	3	√	√
4	ACCT 470	Kiểm toán <i>Auditing</i>	4	√	√
5	CBA 300	Kinh doanh quốc tế <i>International Businesses</i>	3	√	√
	Tổng số TC kỳ 6 <i>Total credits in semester 6</i>		17		
Kỳ học thứ 7 - Semester 7					
1	ACCT428A	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Auditing I</i>	4	√	√
2	IS 300	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	3	√	√
3	ECON 333	Kinh tế học quản lý <i>Managerial Economics</i>	3	√	√
4	ACCT 480	Hệ thống thông tin kế toán <i>Accounting Systems and Data Processing</i>	4	√	√
5	HRM 360	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	√	√
	Tổng số TC kỳ 7 <i>Total credits in semester 7</i>		17		
Kỳ học thứ 8 - Semester 8					
1	ACCT454	Chuyên đề chuyên sâu về kế toán <i>Special Topics in Accounting</i>	4	√	√

2	ACCT 400	Kế toán nâng cao <i>Advanced Accounting</i>	4	√	√
3	ACCT 465	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	4	√	√
4	MGMT 425	Chiến lược và chính sách kinh doanh <i>Business Strategy and Policy</i>	3	√	√
5		Hệ thống kế toán Việt Nam <i>Temporary Vietnamese Accounting Issues</i>	4	√	√
Tổng số TC kỳ 8 <i>Total credits in semester 8</i>			19		
Kỳ học thứ 9 - Semester 9					
1	ACCT 493	Báo cáo thực tập chuyên ngành Kế toán <i>Accounting Internships</i>	4	√	
2	ACCT 497	Khóa luận - Nghiên cứu độc lập về kế toán <i>BSc Thesis - Independent Research on Accounting</i>	8	√	
Tổng số TC kỳ 9 <i>Total credits in semester 8</i>			12		
Tổng số TC toàn khoá (không kể học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và tiếng Anh tăng cường) Total credits (excluding the Defense Education, Physical Education, and English Improvement)			124		

9. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – Course Description

9.1. Tiếng Anh (*Preparatory English*)

Mã số - Code : TA001

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Đây là nội dung ngoại ngữ chuyên ngành về kinh tế và kinh doanh nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức ngoại ngữ nâng cao về kinh tế và kinh doanh. Để theo học phần này, sinh viên phải hoàn tất chương trình ngoại ngữ căn bản. Chương trình giảng dạy sẽ được thiết kế phù hợp với học sinh.

This is the fundamental module of English for business and economics aiming at providing students with necessary skills in economics and business. To pursue this module, students should have been trained to use basic English.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần I, II (*Principle of Marxsim and Leninist part I, II*)

Mã số - Code : NEUDC001

Số tín chỉ - Credit : 5

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Detailed content is issued in the Decision No. 52/2008/QĐ-BGDĐT dated September 18, 2008 of the Ministry of Education and Training.

9.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (*Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party*)

Mã số - Code : NEUDC002

Số tín chỉ - Credit : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Detailed content is issued in the Decision No.52/2008/QĐ-BGDĐT dated September 18, 2008 of the Ministry of Education and Training.

9.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (*Ho Chi Minh's Ideology*)

Mã số - Code : NEUDC003

Số tín chỉ - Credit : 2

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Detailed content is issued in the Decision No. 52/2008/QĐ-BGDĐT dated September 18, 2008 of the Ministry of Education and Training.

9.5. Giáo dục thể chất (*Physical Training*)

Mã số - Code : NEUDC 100

Số tiết - teaching hours : 165 tiết

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GDDĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ giáo Dục và Đào tạo.

Detailed content is issued in the Decision No. 3244/GD- DDT dated September 12, 1995 of the Ministry of Education and Training.

9.6. Giáo dục quốc phòng (Defence Training)

Mã số - Code : NEUDC 101

Số tiết - teaching hours : 165 tiết

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

Detailed content is issued in the Decision No. 81/2007/QĐ-BGDĐT dated December 24, 2007 of the Ministry of Education and Training.

9.7. Viết luận (Writing Skills)

Mã số - Code : ENGL100

Số tín chỉ - Credit : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Khóa học này là nền tảng phục vụ cho kỹ năng viết của sinh viên, tập trung vào thực hành kỹ năng viết. Học phần cũng giúp cho sinh viên lựa chọn những cụm từ hợp lý và phát triển câu, đoạn văn và tập trung vào việc phát triển và tổ chức ý tưởng trong một bài luận tổng quát. Những kỹ năng liên quan tới chính tả và ngữ Tiếng Anh chuẩn cũng được đề cập đến trong môn này.

Basic course in writing, offering intensive practice in every stage of writing process from generating ideas to final proofreading. Reviews and teaches strategies for choosing appropriate words to developing sentences and paragraphs. Focuses on methods to develop and organize ideas in coherent essays. Teaches conventional mechanics, spelling, and the grammar of standard written English.

9.8. Kế toán tài chính căn bản (Elementary Financial Accounting)

Mã số - Code : ACCT201

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Học phần sẽ nghiên cứu những vấn đề cơ bản và thực hành về kế toán tài chính trong các loại hình kinh doanh. Sử dụng các ứng dụng máy tính trong học phần này là một yêu cầu bắt buộc.

Introduction to financial accounting practice. For business majors. Laboratory and/ or class compute applications required.

9.9. Kinh tế học vĩ mô (*Principles of Macroeconomics*)

Mã số - Code	: ECON100
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisites</i>	: <i>None</i>

Học phần sẽ trang bị những kiến thức nền tảng cho sinh viên, bao gồm tiền tệ và ngân hàng, sự thay đổi giá cả, phân tích thu thập quốc dân, chu kỳ kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, chính sách tài khóa, tiền tệ và kinh doanh quốc tế.

Money and banking, price changes, national income analysis, business cycles, economic growth, fiscal and monetary policy, international trade.

9.10. Kinh tế học vi mô (*Principles of Microeconomics*)

Mã số - Code	: ECON101
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisites</i>	: <i>None</i>

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan tới tổ chức kinh doanh, lý thuyết giá cả, phân bổ nguồn lực, phân phối thu nhập, kinh tế công cộng.

Business organization, price theory, allocation of resources, distribution of income, public economy.

9.11. Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh (*Legal and Business Transactions*)

Mã số - Code	: BLAW220
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisites</i>	: <i>None</i>

Học phần giới thiệu luật pháp và hệ thống pháp luật hiện hành trong lĩnh vực thương mại, đặc biệt chú trọng đến những quy định pháp luật trong giao dịch, buôn bán và hợp đồng thương mại. Những nội dung liên quan đến vai trò và chức năng của bộ máy tư pháp, các yếu tố của luật dân sự và luật hình sự cùng với những vấn đề đáng chú ý của luật pháp.

Introduction to law and the legal system in today's business world. Special emphasis is given to contracts, sales, and commercial paper. An example of the role and function of the judiciary, elements of civil and criminal lawsuits, and other emerging areas of the law, including alternative dispute resolution.

9.12. Đại số và giải tích: ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (*Algebra and Calculus for Business*)

Mã số - Code	: MATH115
---------------------	------------------

Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 4
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisites</i>	: None

Học phần tập trung vào phân tích hàm số, đạo hàm, tối ưu hóa, đồ thị, đạo hàm từng phần, số nhân Lagrange, tích phân và các ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Học phần tập trung vào các kỹ năng giải quyết vấn đề cụ thể.

Functions, derivatives, optimization problems, graphs, partial derivatives. Lagrange multipliers, integration of functions of one variable. Applications to business and economics. Emphasis on problem-solving techniques.

9.13. Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (*Introductions to Computer Systems and Applications*)

Mã số - <i>Code</i>	: IS233
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisites</i>	: None

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan tới việc sử dụng các ứng dụng máy tính cá nhân, chẳng hạn như Internet, email, Windows, soạn thảo văn bản, bảng tính và các ứng dụng cơ sở dữ liệu. Mục tiêu giúp cho sinh viên sử dụng thành thạo các ứng dụng máy tính phục vụ cho hoạt động kế toán và kinh doanh.

An introduction to the use of calculators, the Internet and e-mail, Windows, word processing, spreadsheet, and database applications; basic computer literacy.

9.14. Đạo đức học căn bản (*Introduction to Ethics*)

Mã số - <i>Code</i>	: PHIL160
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisite</i>	: None

Học phần nghiên cứu các bối cảnh đạo đức khác nhau có thể xảy ra trong tổ chức kinh doanh và đưa ra những khái niệm, công cụ để quản trị những xung đột này nhằm tạo giá trị tốt nhất cho cá nhân, tổ chức và xã hội.

Various types of ethical dilemmas that take place in business organizations and acquire concepts and tools needed to manage these complex value conflicts for the well-being of individuals, organizations, and society.

9.15. Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (*Econometrics and application to business and economics*)

Mã số - <i>Code</i>	: MATH115B
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : none

Môn học sẽ tập trung giới thiệu các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, phương pháp phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng để khai thác và phân tích các cơ sở dữ liệu kinh tế của Việt Nam và thế giới.

This course provides estimates, regression techniques, one variable regression model, understanding the technical and economic implications. Besides, this course provides students with analysis techniques using in economics, business administration based on the use of software application and analyze the economic databases of Vietnam and the World.

9.16. Kế toán chi phí (Cost Accounting)

Mã số - Code : ACCT320

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết : ACCT 201 .

Prerequisites : ACCT 201.

Học phần trình bày các vấn đề lý luận và thực tiễn về kế toán chi phí cùng với việc sử dụng thông tin kế toán về chi phí để lập, kiểm tra và ra quyết định. Nhấn mạnh đến hệ thống thông tin quản lý chi phí. Nghiên cứu và thực hành trên máy tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Theory and practice of cost accounting. Managerial use of cost accounting data for planning, controlling and decision-making. Emphasis on cost accumulation and management information systems. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.17. Kinh doanh quốc tế (International Businesses)

Mã số - Code : CBA300

Số tín chỉ - Credit : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Học phần này giới thiệu bản chất, những khía cạnh khác nhau và môi trường của kinh doanh quốc tế. Nhấn mạnh vào các chức năng kinh doanh, thực hành, và các quyết định khi bị chi phối bởi các nhân tố tổ chức, xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa.

Introduction to nature, dimensions, and environment of international business. Emphasis on business functions, practices, and decisions as influenced by cultural, political, economic, social, and institutional factors in various parts of world. Diffusion of information technology.

9.18. Kinh tế học quản lý (*Managerial Economics*)

Mã số - Code	: ECON 333
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: ECON100, ECON101 và MATH115
Prerequisite	: ECON100, ECON101 and MATH115

Học phần tập trung vào việc giới thiệu nhiều vấn đề các nhà quản lý thường gặp. Cùng với các vấn đề đó, sinh viên sẽ được tạo cơ hội đưa ra và phát triển các chiến lược và các công cụ để giải quyết vấn đề.

Mục tiêu của học phần là (i) Tăng cường hiểu biết cho sinh viên về các loại vấn đề mà những nhà quản lý công ty gặp phải, (ii) Tăng cường những kiến thức, trực giác về kinh tế liên quan đến các vấn đề đó, (iii) Cung cấp cho sinh viên những công cụ hữu hiệu và đặc lực để có thể tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề đó.

The intention of this course is to introduce to you a wide variety of problems faced by managers. Faced with these problems, you will be given the opportunity to develop strategies and tools for solving the problems.

In detail, the goals for this course are for you to (i) develop greater knowledge of the types of problems faced by firm managers, (ii) improve your economic intuition concerning these problems, (iii) provide you with powerful tools and instruct you to find solutions to these problems.

9.19. Tài chính kinh doanh (*Business Finance*)

Mã số - Code	: FIN300
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: ECON100, 101, MATH115, ACCT201.
Prerequisite	: ECON100, 101, MATH115, ACCT201.

Đây là học phần giới thiệu về tất cả các yếu tố chính trong kinh doanh, việc áp dụng công nghệ thông tin và hệ thống quản lý thông tin trong các hoạt động tài chính như: (1) Đánh giá giá trị thời gian của Tiền vốn, Rủi ro, Chi phí vốn, Cơ cấu Vốn, (2) các phương thức huy động vốn (3) Các quyết định tài chính dài hạn (4) Các chính sách quản lý Vốn lưu động (5) các vấn đề liên quan khác như Sáp nhập, Phá sản, Tài chính Quốc tế.

An introductory course for all business majors, integrating computer applications and management information systems in the following areas of finance: (1) Time Value of Money, Risk, Valuation, Cost of Capital, Capital Structure; (2) Capital Budgeting; (3) Long -Term Financing Decisions; (4) Working Capital Policy and Management; (5) Financial Analysis and Planning; (6) Special topics including; Mergers, Bankruptcy.

9.20. Môi trường pháp lý trong hoạt động kinh doanh (*Legal and Regulatory Environment of Business*)

Mã số - Code	: BLAW320
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: BLAW220
Prerequisites	: BLAW220

Học phần nghiên cứu các loại hình doanh nghiệp, luật lao động, luật đầu tư chứng khoán, luật bảo vệ môi trường, các vấn đề ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp và các vấn đề kinh doanh quốc tế. Đồng thời học phần cũng xem xét những tác động ảnh hưởng của yếu tố xã hội, văn hóa, kinh tế đến các loại hình doanh nghiệp trong nước và công ty đa quốc gia. Nghiên cứu các mối quan hệ giữa chính phủ và giới kinh doanh, các vấn đề đạo đức trong kinh doanh.

An examination of the forms of business organizations, employment law, securities law, environmental law, anti-trust issues, and international transactions. A consideration of the social, cultural and economic influences on domestic and multinational corporations. Exploration of the relationship of government to business. Introduction to business ethics.

9.21. Hành vi tổ chức (*Organizational Behavior*)

Mã số - Code	: HRM360
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
Prerequisite	: None

Khái quát về sự thay đổi của hành vi con người trong tổ chức và những hàm ý đối với quản trị. Những vấn đề nghiên cứu bao gồm: những động lực, tính cách và thái độ, sự hiểu biết của con người, nhóm và đội, những tiêu chuẩn, sức mạnh và chính trị, xung đột, giao tiếp, thiết kế công việc, văn hoá tổ chức, sự thay đổi tổ chức, lãnh đạo và những vấn đề về văn hoá.

Overview of the dynamics of human behavior in organization and implications for management. Motivation, personality and attitudes, human perceptions, groups and teams, norms, power and politics, conflict, learning, communication, job design, organizational culture, organizational change, leadership and cross-cultural issues.

9.22. Nguyên lý quản trị (*Principles of Management*)

Mã số - Code	:MGMT300
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
Prerequisite	: None

Học phần giới thiệu về chức năng quản trị với các lý thuyết và khái niệm cơ bản của quản trị như lên kế hoạch, tổ chức, vai trò lãnh đạo và kiểm soát. Học phần cũng hệ thống lại

những cải cách trong suy nghĩ của nhà quản trị, chức năng và thực tế quản trị đang được quan tâm trong môi trường hiện nay cũng như làm rõ các khái niệm mới phát sinh trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Principles and theories of management, organization theory, planning and control techniques. Management of the overall organization and the production/operations systems of organizations.

9.23. Chiến lược và chính sách kinh doanh (*Business Strategy and Policy*)

Mã số - Code : **MGMT425**

Số tín chỉ - Credit : **3**

Điều kiện tiên quyết : ACCT310 hoặc ACCT320, FIN300, MGMT300, MKTG300, IS301

Prerequisite : ACCT310 or ACCT320, FIN300, MGMT300, MKTG300, IS301

Học phần tập trung vào việc vận dụng các lý thuyết và kỹ năng từ các học phần kinh doanh khác. Học phần sử dụng phương pháp chủ yếu là nghiên cứu điển hình và những giả định kinh doanh để hình thành nên các chiến lược kế hoạch kinh doanh. Sinh viên phải viết báo cáo về chiến lược kinh doanh.

Integration and application of knowledge theories and techniques derived from the study of business disciplines. Use of the case method and business simulations to formulate business strategies and plans. Written reports required.

9.24. Marketing (*Marketing*)

Mã số - Code : **MKTG300**

Số tín chỉ - Credit : **3**

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisite : None

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa hệ thống marketing với các hoạt động khác trong doanh nghiệp; giữa các doanh nghiệp với môi trường marketing thế giới và nội địa; các tác động kinh tế và xã hội của hoạt động marketing; tác động hành vi con người lên marketing, giao tiếp, hệ thống thông tin, vấn đề quản trị và giải pháp.

Relation of marketing system to other activities in the firm. Firms and domestic and world marketing environments. Economic and social effects on marketing. Human behavior's effects on marketing, communications, information systems, management problems and their solutions.

9.25. Hệ thống thông tin quản lý (*Management Information Systems*)

Mã số - Code : **IS300**

Số tín chỉ - Credit : **3**

Điều kiện tiên quyết : Không.

Prerequisites : None

Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin, sự vận dụng trong các tổ chức đương đại, sự phát triển và quản lý hệ thống thông tin và các xu hướng tương lai trong hệ thống thông tin và công nghệ. Các dự án theo nhóm máy tính yêu cầu thống nhất và vận dụng dựa trên hiểu biết về khái niệm và kỹ thuật hệ thống thông tin trong môi trường kinh doanh.

Information systems concepts and components, contemporary organizational applications, development and management of information systems, and future trends in information systems and technologies. Computer - based team projects requiring the integration and application of conceptual and skills - oriented information systems knowledge in a business environment.

9.26. Giao tiếp kinh doanh (*Business Communication*)

Mã số - Code	: IS301
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
Prerequisites	: None

Học phần tập trung nghiên cứu những nguyên tắc thu thập, tổ chức, phân tích và trình bày các thông tin kinh doanh. Các vấn đề cơ bản của giao tiếp và giải quyết tình huống trong quá trình quản trị kinh doanh cũng sẽ được đề cập.

Analysis of principles of collecting, organizing, analyzing, and presenting business information. Written and oral communications involving problem solving in the business management process.

9.27. Thống kê kinh doanh (*Business Statistics*)

Mã số - Code	: IS310
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: MATH115
Prerequisites	: MATH115

Ứng dụng các giải pháp thống kê kinh doanh. Những nội dung chính bao gồm: thu thập và tổ chức dữ liệu, lý thuyết xác suất, xác định mức độ tập trung và phân kỳ, dự báo và kiểm định giả thuyết, hồi quy đơn giản, phân tích tương quan. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên khả năng sử dụng các phần mềm thống kê.

Application of statistics to business problems. Data collection and organization, probability theory, measures of central tendency and dispersion, hypothesis testing and estimation, simple regression, and correlation. Use of statistical software.

9.28. Kế toán tài chính A (*Intermediate Accounting A*)

Mã số - Code	: ACCT300 A
Số tín chỉ - Credit	: 4
Điều kiện tiên quyết	: ACCT 201
Prerequisites	: ACCT 201

Học phần đề cập đến về ghi nhận, đánh giá, trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quỹ, phân tích tài chính, lý luận lãi suất và cách thức vận dụng. Nghiên cứu và thực hành trên máy tính là yêu cầu bắt buộc khi học học phần này.

Accounting theory including recording, valuation, and statement presentation of assets, liabilities, capital earnings; funds statements; financial analysis; compound interest theory and applications. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.29. Kế toán tài chính B (Intermediate Accounting B)

Mã số - Code : ACCT300 B

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết : ACCT 300A .

Prerequisites : ACCT300A

Học phần đề cập đến về ghi nhận, đánh giá, trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quỹ, phân tích tài chính, lý luận lãi suất và cách thức vận dụng. Nghiên cứu và thực hành trên máy tính là yêu cầu bắt buộc khi học học phần này.

Accounting theory including recording, valuation, and statement presentation of assets, liabilities, capital earnings; funds statements; financial analysis; compound interest theory and applications. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.30. Kế toán nâng cao (Advanced Accounting)

Mã số - Code : ACCT400

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết : ACCT300B và IS301

Prerequisites : ACCT300B and IS301

Học phần đề cập đến các vấn đề đặc biệt của kế toán trong doanh nghiệp, hợp nhất kinh doanh, tỷ giá hối đoái, kế toán trong các công ty quản lý quỹ và các chủ đề tự chọn. Thực hành máy vi tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Specialized problems in partnership and corporate accounting, consolidations, foreign currency transactions and translations, fund accounting and selected topics. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.31. Kiểm toán (Auditing)

Mã số - Code : ACCT470

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết : ACCT 300A, B, ACCT320, IS301

Prerequisites : ACCT300A, 300B, 320, IS301

Các vấn đề về xác minh, đánh giá và trình bày thông tin tài chính trong các báo cáo được thể hiện qua ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Nội dung chủ yếu của kiểm toán hoạt

động và mối quan hệ của nó đến kiểm toán độc lập. Trách nhiệm của kiểm toán viên, kiểm toán nội bộ và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Nghiên cứu và thực hành máy tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Problems of verifications, valuation, and presentation of financial information in reports covered by the opinion of an independent public accountant. Major concepts of operational auditing and its relationship to the independent audit. Responsibilities of the public accountant, internal auditor, and rules of professional conduct. Laboratory and/or classroom computer applications are a requirement of the course.

9.32. Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Systems and Data Processing)

Mã số - Code	: ACCT480
Số tín chỉ - Credit	: 4
Điều kiện tiên quyết	: IS 300, IS301, ACCT300B, ACCT 320.
Prerequisites	: IS300, IS301, ACCT300B, ACCT 320.

Học phần đề cập đến quá trình phát triển của hệ thống thông tin kế toán. Chủ đề chính của học phần hướng về việc phân tích, thiết kế, phát triển và ứng dụng hệ thống thông tin kế toán. Nghiên cứu và thực hành máy tính là yêu cầu bắt buộc.

Course is designed to familiarize students with the accounting information systems development process. Major topics include analysis, design, development, and implementation of accounting information systems. Laboratory and/or classroom computer applications are a requirement of the course.

9.33. Kế toán quốc tế (International Accounting)

Mã số - Code	: ACCT465
Số tín chỉ - Credit	: 4
Điều kiện tiên quyết	: ACCT 300A - B .
Prerequisites	: ACCT 300A - B.

Trình bày lý luận và thực tiễn về hệ thống kế toán hiện hành và viễn cảnh quốc tế. So sánh hệ thống kế toán ở các nước và hệ thống kế toán thịnh hành ở Mỹ. Phân tích chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế. Nghiên cứu và thực hành trên máy tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Contemporary accounting theory and practice from an international perspective. Comparative accounting systems in various countries based on prevailing practice in the United States. Analysis of international accounting and auditing standards. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.34. Hệ thống kế toán Việt Nam (Temporary Vietnamese Accounting)

Mã số - Code	: ACCT
Số tín chỉ - Credit	: 4
Điều kiện tiên quyết	: ACCT 300A – B.

Prerequisites : ACCT 300A - B.

Học phần này giới thiệu về Chuẩn mực và Chế độ Kế toán tài chính Việt Nam nói chung và việc áp dụng chúng tại các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sự khác biệt giữa Kế toán Việt Nam và Kế toán Mỹ (đã được giảng dạy trong các môn học Kế toán tài chính I (ACCT 300A) và Kế toán tài chính II (ACCT 300B)) cũng sẽ được đề cập đến.

In general, ACCT ...introduces about The Vietnamese Accounting Standards and The Vietnamese Accounting Rules to be applied in the companies which is running their business in Vietnam. In addition, this course also concerns to the difference between Vietnamese Financial Accounting and American Financial Accounting.

9.35. Kiểm toán nội bộ (Internal Auditing)

Mã số - Code : ACCT428A

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết :

Prerequisites :

Giới thiệu về kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, bằng chứng kiểm toán và quá trình kiểm toán nội bộ.

Introduction to internal auditing, internal control, audit evidence, and the internal auditing process.

9.36. Chuyên đề chuyên sâu về kế toán (Special Topics in Accounting)

Mã số - Code : ACCT 454

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết :

Prerequisites : *Varies with topic; see Schedule of Classes for specific prerequisite.*

Thuyết trình và phân tích chuyên sâu các chuyên đề quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh hiện đại. Trong môn học này, ngoài các bài học trên lớp, sinh viên còn sử dụng các kỹ năng thảo luận, diễn thuyết và nghiên cứu các dự án.

In-depth presentation and analyses of topics significant to contemporary business world; lectures, discussions, speakers, and research projects.

9.37. Báo cáo thực tập chuyên ngành kế toán (*Accounting Internships*)

Mã số - Code	: ACCT493
Số tín chỉ - Credit	: 4
Điều kiện tiên quyết	: ACCT 300 A, ACCT 300B, ACCT480
Prerequisites	: ACCT 300A, ACCT 300B, ACCT480

Sinh viên đi thực tập tại các loại hình doanh nghiệp khác nhau như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, v.v. để tìm hiểu thực tế. Tổ chức thảo luận, phân tích, đánh giá lý luận về mặt thực tiễn.

Students work in public accounting or accounting divisions of private industry or governmental agencies to gain accounting experience in real world situations. Class seminar analysis, evaluation of academic theory in terms of the real world environment.

9.38. Chủ đề nghiên cứu độc lập về kế toán (*BSc Thesis - Independent Research on Accounting*)

Mã số - Code	: ACCT497
Số tín chỉ - Credit	: 8
Điều kiện tiên quyết	: sinh viên đã có đủ kiến thức nền và chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, có khả năng nghiên cứu độc lập.
Prerequisites	: Capable of independent study.

Sinh viên sẽ tự mình tiến hành nghiên cứu các vấn đề về kế toán, kiểm toán trong các đơn vị công hoặc trong các doanh nghiệp với quy mô khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu, sinh viên sẽ được sự trợ giúp của giáo sư hướng dẫn.

Students do their research in the area of accounting, auditing in enterprises. During the research, students will get advisor's help.

PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN

Ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG

GS.TS NGUYỄN VĂN NAM

